TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày: 26/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Quốc Học
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hậu
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hà Văn Sáng - Thư ký TAND huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Lương Minh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, Thông báo dời ngày giờ xét xử số: 36/TB-TA ngày 20 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình H; sinh năm 1971 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Tổ dân phố ..., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Ga Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H, sinh năm 1941 (hiện đã chết) và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1964. Có vợ là Đồng Thị H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có ba người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000. Hiện đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Bích. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Thị B; sinh năm 1977 tại Hải Dương; Nơi cư trú: Tổ dân phố ..., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 và bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1951. Có chồng Phạm Văn G, sinh năm 1975 (đã ly hôn). Hiện đang sống chung như vợ chồng với Trần Đình H. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:** Ông Võ Chu Thái H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn ..., xã Ia nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

**** Người làm chứng:*** Ông Vũ Quang Q, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn ..., xã Ia nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, Trần Đình H muốn xin chuyển hộ khẩu cho em trai từ Hải Dương vào Gia Lai nhưng gặp khó khăn, nên ông H đã về Hải Dương thì gặp ông Trần Minh K (ông Kha làm nghề bán quán ăn, đã chết vào năm 2018). Ông K nói có quen biết với nhiều người làm ở xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, ông Kha sẽ xin cho H giấy chuyển hộ khẩu. Khoảng 02 ngày sau, ông K đã đưa cho H một tờ giấy chuyển hộ khẩu, khi nhận tờ giấy này H nhìn thì thấy chưa ghi thông tin, tờ giấy có dấu đỏ của Công an xã Lạc Long, huyện Kinh Môn và có chữ ký mực xanh, đóng dấu tên Trưởng công an xã Nguyễn Văn T, nên H nghĩ tờ giấy đó là do ông K xin được từ Công an xã Lạc Long.

Sau khi nhận giấy tờ giấy từ ông K, H chưa sử dụng mà cất tờ giấy này. Vào khoảng cuối năm 2017, H quen biết rồi làm đám cưới với Nguyễn Thị B, trú tại xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (không đăng ký kết hôn). Sau khi cưới xong, H và B chung sống như vợ chồng tại tổ dân phố .., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vì H và B muốn chuyển hộ khẩu của B để nhập vào hộ khẩu của H ở thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, nhưng do không cắt được khẩu của B tại Hải Dương (vì B trước đây đã có chồng và đã ly hôn nhưng bị mất giấy tờ về ly hôn, nên xã không xác nhận cho Bích về tình trạng độc thân). Lúc này, H nảy sinh ý định ghi thông tin vào tờ giấy chuyển khẩu mà H có trước đó để nhập khẩu cho B. H và B bàn bạc thống nhất đổi tên B thành tên Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1981, trú tại xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để chuyển khẩu của B.

Đến đầu năm 2018, tại nhà của H ở tổ dân phố ..., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, H lấy tờ giấy chuyển hộ khẩu mà ông K đưa từ năm 2015 ra tự viết thông tin cá nhân của Nguyễn Thị B thành Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1981, trú tại xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tờ giấy này. Khi viết xong tờ giấy chuyển hộ khẩu đó H đã nói cho B biết. Sau đó, H đưa tờ giấy chuyển khẩu đó cho B để B nhờ ông Vũ Quang Q làm thủ tục nhập được hộ khẩu của B vào hộ khẩu nhà ông Q với tên Nguyễn Thị Bích Ng (ông Q không biết việc làm tờ giấy chuyển khẩu của ông H và không có nghi ngờ gì). Đến năm 2019, H và B tiếp tục làm thủ tục chuyển hộ khẩu cho B từ nhà ông Q ở xã Ia Nhin, huyện Chư Păh đến nhập khẩu vào nhà H tại tổ dân phố ..., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh. Sau đó, qua công tác rà soát hộ khẩu, Công an thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh đã phát hiện và nghi ngờ Trần Đình H và Nguyễn Thị B có dấu hiệu làm giả giấy tờ tài liệu, nên đã báo cáo vụ việc và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Păh để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình kiểm tra, xác minh, Công an xã Ia Nhin, huyện Chư Păh giao nộp: 01 giấy chuyển hộ khẩu (mẫu KH07) số 107/GCHK tên Nguyễn Thị Bích Ng và một số tài liệu về thủ tục nhập hộ khẩu của Nguyễn Thị Bích Ng tại Công an xã Ia Nhin.

Qua xác minh, làm việc xác định: Thời điểm năm 2015 xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương có Trưởng Công an xã là ông Bùi Tiến H, còn Trưởng công xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương là ông Mạc Văn Kh, Chủ tịch xã L là ông Nguyễn Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số 853/KLGĐ ngày 05/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

1. Chữ viết trên mẫu giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Trần Đình H trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M15-M20) là **do cùng một người viết ra.**

2. Chữ ký dưới mục "TRƯỞNG CÔNG AN Xã T *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Nguyễn Văn T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M13, M14) là **không phải do cùng một người ký ra.**

3. Hình dấu tròn dưới mục "TRƯỞNG CÔNG AN Xã T *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H.KINH MÔN-T.HẢI DƯƠNG-CÔNG AN XÃ L" trên các mẫu so sánh (ký hiệu M7 đến M12) là **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

4. Hình dấu tròn dưới mục "TRƯỞNG CÔNG AN Xã T *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H.KINH MÔN-T.HẢI DƯƠNG-CÔNG AN XÃ T" trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) là **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

5. Mẫu cần giám định (ký hiệu A) **không bị tẩy xóa, sửa chữa điền thêm.**

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 19/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thị B về tội:*"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức",* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Trần Đình H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Thị B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Chư Păh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Vì khó khăn trong việc chuyển hộ khẩu cho Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, nên Trần Đình H đã bàn bạc với Nguyễn Thị B điền thông tin giả về B thành Nguyễn Thị Bích Ng có nơi cư trú tại xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tờ giấy chuyển khẩu mà H đã xin được của ông Trần Minh K trước đó. Sau khi điền thông tin, các bị cáo đã sử dụng tờ giấy này để nhập khẩu cho Nguyễn Thị B với tên giả là Nguyễn Thị Bích Ng vào hộ khẩu của ông Vũ Quang Q ở thôn ..., xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2019 H và B lại chuyển hộ khẩu của B từ xã Ia Nhin, huyện Chư Păh nhập vào hộ khẩu của Huynh ở tổ dân phố ..., thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh. Tại kết luận giám định kết luận: Chữ viết trên mẫu giám định so với chữ viết của Trần Đình H là do cùng một người viết ra; Chữ ký dưới mục Trưởng Công an xã T trên mẫu giám định so với chữ ký của Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra; hình tròn dưới mục trưởng công an xã T trên mẫu giám định so với hình tròn trên các mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra; Hình tròn dưới mục Trưởng công an xã T trên mẫu giám định so với hình tròn trên các mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra; Mẫu cần giám định không bị tẩy xóa, sửa chữa điền thêm. Như vậy, hành vi trên của Trần Đình H và Nguyễn Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh truy tố Trần Đình H và Nguyễn Thị B về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động của Cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo đều nhận thức được hành vi làm giả giấy tờ của Cơ quan Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H là người khởi xướng và trực tiếp điền các thông tin giả, bị cáo B là người giúp sức cho bị cáo H. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 của Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của từng bị cáo. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình các bị cáo là người có công với nước, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi của các bị cáo thấy không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Xét các bị cáo không còn tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bích.

[3] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thị B phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 17; 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Trần Đình H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Đình H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- CA h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hòa